**Bài 29. ĐẶC ĐIỂM CÁC KHU VỰC ĐỊA HÌNH**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức**

Nêu được vị trí, đặc điểm cơ bản của khu vực đồi núi, khu vực đồng bằng, bờ biển và thềm lục địa.

**2. Kĩ năng**

Sử dụng lược đồ địa hình Việt Nam để mô tả đặc điểm và sự phân bố các khu vực địa hình ở nước ta.

**II. CHUẨN BỊ CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH**

**1. Đối với giáo viên**

- Atlat Địa lí Việt Nam.

- Bản đồ địa hình hoặc bản đồ tự nhiên Việt Nam.

- Tranh ảnh về các khu vực địa hình Việt Nam.

- Ảnh vệ tinh chụp toàn cảnh Việt Nam hoặc từng khu vực địa hình (nếu có).

- Máy chiếu (nếu có).

**2. Đối với học sinh**

Sách, vở, đồ dùng học tập. Atlat Địa lí Việt Nam.

**III. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG HỌC TẬP**

**1. Ổn định lớp và kiểm tra bài cũ**

**Câu 1.** Tính chất nhiệt đới gió mùa tác động như thế nào đến việc hình thành địa hình nước ta?

**Câu 2.** Địa hình nước ta đa dạng nhiều kiểu loại, trong đó quan trọng nhất là địa hình đồi núi. Vì sao?

**2. Tiến trình dạy học**

**ĐẶC ĐIỂM CÁC KHU VỰC ĐỊA HÌNH**

**HOẠT ĐỘNG 1: Tìm hiểu khu vực đồi núi**

**1. Mục tiêu**

- Kiến thức: Nêu được vị trí, đặc điểm cơ bản của khu vực đồi núi.

- Kĩ năng: Sử dụng lược đồ địa hình Việt Nam, tranh ảnh để mô tả đặc điểm và sự phân bố khu vực đồi núi

**2. Phương pháp/kĩ thuật dạy học**

Trực quan, thảo luận.

**3. Các bước hoạt động**

| **Hoạt động của giáo viên và học sinh** | **Nội dung chính** |
| --- | --- |
| **Bước 1:** GV chia nhóm và giao việc. HS dựa vào hình 28.1 hoặc Atlat Địa lí Việt Nam, kết hợp nội dung SGK và kiến thức đã học:  - Nhóm số chẵn cho biết giới hạn, đặc điểm địa hình và giá trị kinh tế vùng đồi núi Đông Bắc và Tây Bắc.  - Nhóm số lẻ cho biết giới hạn, đặc điểm địa hình và giá trị kinh tế vùng Trường sơn Bắc với vùng Trường Sơn Nam.  **Bước 2:** Các nhóm trao đổi, thảo luận, GV quan sát, hỗ trợ (nếu cần).  **Bước 3:** Đại diện nhóm trình bày, các nhóm và thành viên khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung.  **Bước 4:** GV chuẩn kiến thức (minh họa bằng hình ảnh, có thể kẻ bảng so sánh các khu vực địa hình). | **1: Khu vực đồi núi (**chiếm ¾ diện tích đất liền).  - Vùng núi Đông Bắc: là vùng đồi núi thấp, nằm ở tả ngạn sông Hồng, nổi bật với các dãy núi hình cánh cung. Địa hình cácxtơ khá phổ biến, tạo nên nhiều cảnh quan đẹp và hùng vĩ.  + Vùng núi Tây Bắc: nằm giữa sông Hồng và sông Cả, hùng vĩ, đồ sộ nhất nước ta, kéo dài theo hướng tây bắc - đông nam.  - Vùng núi Trường Sơn Bắc từ phía sông Cả tới dãy núi Bạch Mã. Là vùng núi thấp, có hai sườn không đối xứng, có nhiều nhánh đâm ra biển.  - Vùng núi và cao nguyên Trường Sơn Nam có đồi núi, cao nguyên hùng vĩ, có đất đỏ ba dan...  - Địa hình bán bình nguyên Đông Nam Bộ và vùng đồi núi trung du Bắc Bộ, có độ cao khoảng 200m, chuyển tiếp giữa miền núi và miền đồng bằng. |

**HOẠT ĐỘNG 2: Tìm hiểu khu vực đồng bằng**

**1. Mục tiêu**

- Kiến thức: Nêu được đặc điểm cơ bản của khu vực đồng bằng.

- Kĩ năng: Sử dụng lược đồ địa hình Việt Nam, tranh ảnh để mô tả đặc điểm địa hình khu vực đồng bằng.

**2. Phương pháp/kĩ thuật dạy học**

Trực quan, giải quyết vấn đề (thảo luận).

**3. Các bước hoạt động**

| **Hoạt động của giáo viên và học sinh** | **Nội dung chính** |
| --- | --- |
| **Bước 1:** GV yêu cầu HS dựa vào hình 28.1 hoặc bản đồ địa hình treo tường cho biết:  - Đồng bằng chiếm khoảng bao nhiêu diện tích?  - Có mấy đồng bằng lớn, đó là đồng bằng nào?  **Bước 2:** HS trả lời => GV chuẩn kiến thức, chỉ bản đồ treo tường để HS dễ hình dung.  **Bước 3:** GV yêu cầu các cặp/HS dựa vào hình 28.1, 29.2, 29.3, kiến thức trong SGK và hiểu biết cho biết đặc điểm địa hình Đồng bằng sông Hồng và Đồng bằng sông Cửu Long. Hai đồng bằng này giống và khác nhau như thế nào?  **Bước 4:** Các cặp/HS làm việc, GV quan sát, hỗ trợ (nếu cần).  **Bước 5:** Đại diện cặp/HS phát biểu, nhận xét, bổ sung. => GV chuẩn kiến thức.  **Tiếp theo**,  - GV yêu cầu HS dựa vào hình 28.1, nhận xét đặc điểm địa hình các đồng bằng duyên hải Trung Bộ; có khác gì so với hai đồng bằng trên về quy mô, hình dạng, giá trị kinh tế.  - HS trả lời => GV chuẩn kiến thức. | **2: Khu vực đồng bằng** (chiếm ¼ diện tích đất liền).  *a) Đồng bằng châu thổ hạ lưu các sông lớn.*  - Rộng nhất là đồng bằng sông Cửu Long và đồng bằng sông Hồng.  + Đồng bằng sông Hồng có hệ thống đê bao bọc, có nhiều ô trũng. Không được bồi đắp tự nhiên.  + Đồng bằng sông Cửu Long cao 2m-3m so với mực nước biển. Không có đê lớn ngăn lũ, được bồi đắp thường xuyên. Vào mùa mưa, nhiều vùng đất trũng rộng bị ngập úng, khó thoát nước.  *b) Các đồng bằng duyên hải Trung Bộ* có diện tích hẹp, chia làm nhiều đồng bằng nhỏ. |

**HOẠT ĐỘNG 3: Tìm hiểu địa hình bờ biển và thềm lục địa**

**1. Mục tiêu**

- Kiến thức: Nêu được giới hạn, đặc điểm cơ bản địa hình bờ biển và thềm lục địa.

- Kĩ năng: Sử dụng lược đồ địa hình Việt Nam, tranh ảnh để mô tả đặc điểm địa hình bờ biển và thềm lục địa.

**2. Phương pháp/kĩ thuật dạy học**

Trực quan, đàm thoại gợi mở

**3. Các bước hoạt động**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên và học sinh** | **Nội dung chính** |
| **Bước 1:** HS dựa vào hình 28.1, Atlat Địa lí Việt Nam, kết hợp nội dung SGK và vốn hiểu biết:  - Nêu chiều dài bờ biển nước ta.  - Cho biết bờ biển có mấy dạng chính? Đặc điểm từng dạng và hướng sử dụng.  - Tìm trên bản đồ vị trí vịnh Hạ Long, vịnh Cam Ranh, bãi biển Đồ Sơn, Sầm Sơn, Vũng Tàu, Hà Tiên.  **Bước 2:** HS trả lời => GV chuẩn kiến thức.  **Bước 3:** HS cho biết:  **-** Thềm lục địa nước ta rộng tại vùng biển nào, nơi nào thềm lục địa thu hẹp nhất? Tại sao?  - Hướng sử dụng.  **Bước 4:** Đại diện HS phát biểu - GV chuẩn kiến thức. | **3: Địa hình bờ biển và thềm lục địa**  *- Bờ biển* : dài trên 3260 km (từ Móng Cái đến Hà Tiên); có 2 dạng chính là bờ biển bồi tụ (vùng đồng bằng) và bờ biển mài mòn chân núi, hải đảo (từ Đà Nẵng đến Vũng Tàu); giá trị: nuôi trồng thuỷ sản, xây dựng cảng biển, du lịch...  *- Thềm lục địa*: mở rộng ở vùng biển Bắc Bộ và Nam Bộ, độ sâu không quá 100m, có nhiều dầu mỏ. |

**HOẠT ĐỘNG NỐI TIẾP**

**1. Củng cố và kiểm tra đánh giá**

**Câu 1.** Địa hình núi cao nước ta tập trung chủ yếu ở

A. vùng núi Đông Bắc.

B. vùng núi Tây Bắc.

C. vùng núi Trường Sơn Bắc .

D. vùng núi và cao nguyên Trường Sơn Nam.

**Câu 2.** Diện tích nhỏ và hẹp ngang là đặc điểm của

A. đồng bằng sông Hồng.

B. đồng bằng sông Cửu Long.

C. đồng bằng ven biển miền Trung.

D. đồng bằng giữa núi ở Trung du miền núi Bắc Bộ.

**Câu 3.** Địa hình đá vôi tập trung chủ yếu ở vùng nào? Địa hình cao nguyên badan tập trung nhiều ở vùng nào?

**Câu 4.** So sánh đặc điểm địa hình vùng Đông Bắc với địa hình vùng Tây Bắc.

**2. Chuẩn bị bài học tiếp theo**

HS chuẩn bị trước ở nhà bài 30.